

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2021 (đợt 2)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2015*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2021 (đợt 2);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 8250/STC-QLNS ngày 10/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2021 (đợt 2) (đính kèm Nghị quyết)

Điều 2. Giao Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo chi tiết đến từng cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan số điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2021 (đợt 2) theo quy định. Cuối năm có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 trình UBND tỉnh để báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.//

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Chánh - Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KTNS, THNC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức



MIỀN QUẢN LÝ ĐỒNG NAI
Email:
hdnd@dongnai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đồng
Nai
Thời gian ký:
08.12.2021 16:35:16
+07:00

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34 /NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương
tỉnh Đồng Nai năm 2021 (đợt 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 ngày 6 tháng 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 ngày 12 tháng 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 ngày 12 tháng 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Trên cơ sở Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2021; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 30 tháng 07 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2021 (đợt 1);

Xét Tờ trình số 14513/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2021 (đợt 2); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2021 (đợt 2) như sau:

1. Điều chỉnh dự toán thu ngân sách địa phương: 8.963.612 triệu đồng.

a) Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ:	6.591.669 triệu đồng.
b) Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	
- Giảm nguồn vốn đầu tư để thực hiện dự án:	12.800 triệu đồng.
- Bổ sung nguồn hỗ trợ phòng chống dịch Covid-19:	500.000 triệu đồng.
c) Nguồn kết dư ngân sách:	1.134.577 triệu đồng.
d) Thu chuyển nguồn:	
- Thu nguồn cải cách tiền lương:	1.803.473 triệu đồng.
- Giảm nguồn thu tiền sử dụng đất (các dự án đầu giá trên 100 tỷ) đã phân bổ đầu năm:	1.130.442 triệu đồng.
đ) Bổ sung nguồn tiết kiệm, cắt giảm các nhiệm vụ chi:	75.726 triệu đồng.
e) Ghi thu viện trợ:	1.409 triệu đồng.
2. Điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương:	
a) Điều chỉnh giảm dự toán chi đầu tư phát triển cấp tỉnh để bổ sung tăng cho khối huyện:	76.937 triệu đồng.
b) Điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên cấp tỉnh để phân bổ cho khối huyện:	430.943 triệu đồng.
c) Điều chỉnh dự toán chi ngân sách các đơn vị khối tỉnh:	5.035 triệu đồng.
3. Điều chỉnh, bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương:	
a) Điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách địa phương:	5.181.479 triệu đồng.
- Bổ sung nguồn thu các khoản phân chia theo tỷ lệ:	2.809.536 triệu đồng.
- Bổ sung nguồn vốn có mục tiêu từ ngân sách trung ương:	487.200 triệu đồng.
+ Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn bổ sung từ ngân sách trung ương theo Nghị quyết số 410/NQ-UBTVQH15 ngày 01 tháng 11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:	12.800 triệu đồng.
+ Tăng vốn từ nguồn bổ sung có mục tiêu kinh phí hỗ trợ phòng chống dịch:	500.000 triệu đồng.
- Bổ sung nguồn kết dư ngân sách cấp tỉnh:	1.134.577 triệu đồng.
- Nguồn thu chuyển nguồn:	673.031 triệu đồng.
+ Bổ sung nguồn cải cách tiền lương:	1.803.473 triệu đồng.
+ Giảm nguồn thu tiền sử dụng đất (các dự án đầu giá trên 100 tỷ):	1.130.442 triệu đồng.
- Bổ sung nguồn tiết kiệm, cắt giảm nhiệm vụ chi:	75.726 triệu đồng.

- Ghi thu viện trợ:	1.409 triệu đồng.
b) Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách địa phương:	5.181.479 triệu đồng.
- Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi khối tỉnh:	1.749.542 triệu đồng.
+ Giảm chi đầu tư:	65.960 triệu đồng.
+ Chi thường xuyên:	1.737.231 triệu đồng.
+ Chi nộp ngân sách cấp trên:	1.136 triệu đồng.
+ Bổ sung dự phòng ngân sách khối tỉnh:	75.726 triệu đồng.
+ Ghi chi viện trợ:	1.409 triệu đồng.
- Bổ sung dự toán chi khối huyện:	3.431.937 triệu đồng.
+ Chi đầu tư:	26.828 triệu đồng.
+ Chi thường xuyên:	3.405.109 triệu đồng.
4. Dự toán thu - chi ngân sách địa phương sau điều chỉnh, bổ sung:	
a) Tổng dự toán thu ngân sách địa phương:	38.227.005 triệu đồng.
b) Tổng dự toán chi ngân sách địa phương:	38.227.005 triệu đồng.
* Dự toán chi trong cân đối ngân sách:	28.141.310 triệu đồng.
- Dự toán chi đầu tư phát triển:	8.332.230 triệu đồng.
+ Khối tỉnh:	4.716.610 triệu đồng.
+ Khối huyện:	3.615.620 triệu đồng.
- Dự toán chi thường xuyên:	19.020.426 triệu đồng.
+ Khối tỉnh:	6.533.309 triệu đồng.
+ Khối huyện:	12.487.117 triệu đồng.
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương:	153.818 triệu đồng.
+ Khối huyện:	153.818 triệu đồng.
- Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính:	2.910 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách:	625.726 triệu đồng.
+ Khối tỉnh:	330.492 triệu đồng.
+ Khối huyện:	295.234 triệu đồng.
- Chi trả nợ lãi vay đầu tư:	6.200 triệu đồng.
* Chi bổ sung từ ngân sách trung ương:	6.228.461 triệu đồng.
* Chi nộp ngân sách cấp trên:	27.692 triệu đồng.
* Ghi chi viện trợ:	1.409 triệu đồng.
* Vượt thu:	3.782.133 triệu đồng.

* **Bù hụt thu:**

46.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII và VIII đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 12 năm 2021. / *phuu*

Nơi nhận: *li*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Thái Bảo
Thái Bảo



Phụ lục I

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021 ĐỢT 2

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: triệu đồng

	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỢT 1	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	29.263.393	38.227.005	8.963.612	131%
I	Các khoản thu theo tỷ lệ phân chia	19.514.831	26.106.500	6.591.669	134%
-	Các khoản thu 100%	7.828.231	10.497.894	2.669.663	134%
-	Các khoản thu theo tỷ lệ	11.686.600	15.608.606	3.922.006	134%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.647.924	6.135.124	487.200	109%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	0		-	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	5.647.924	6.135.124	487.200	109%
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	3.937.335	4.610.366	673.031	117%
IV	Thu kết dư	157.903	1.292.480	1.134.577	819%
V	Nguồn tiết kiệm, cắt giảm nhiệm vụ chi	0	75.726	75.726	
VI	Ghi thu viện trợ	0	1.409	1.409	
VII	Thu từ bội chi	5.400	5.400	-	100%
B	TỔNG CHI NSDP	29.263.393	38.227.005	8.963.612	131%
I	Tổng chi cân đối NSDP	24.026.854	28.141.310	4.114.456	117%
1	Chi đầu tư phát triển	9.430.840	8.332.230	(1.098.610)	88%
2	Chi thường xuyên	13.883.086	19.020.426	5.137.340	137%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	6.200	6.200	-	100%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910	2.910	-	100%
5	Dự phòng ngân sách	550.000	625.726	75.726	114%
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	153.818	153.818	-	100%
II	Chi các chương trình mục tiêu	5.163.983	6.228.461	1.064.478	121%
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0		-	
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên	26.556	27.692	1.136	104%
V	Ghi chi viện trợ	0	1.409	1.409	
VI	Bù hụt thu	46.000	46.000	-	100%
VII	Vượt thu	0	3.782.133	3.782.133	



Phụ lục II

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021 (ĐỢT 2)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung các khoản thu	Dự toán điều chỉnh đợt 1		Ước thực hiện năm 2021		SO SÁNH %	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	47.216.931	19.514.831	62.366.787	26.106.500	132%	134%
I	Thu nội địa	33.966.931	19.514.831	44.766.787	26.106.500	132%	134%
	(Thu nội địa đã trừ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết)	30.314.700	15.862.600	38.316.432	19.656.145	126%	124%
1	Thu từ các DNNN Trung Ương	2.050.000	1.088.050	1.759.509	948.213	86%	87%
-	Thuế giá trị gia tăng	1.152.000	541.440	904.254	424.999	78%	78%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	0	0	0	0		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	663.000	311.610	626.494	294.452	94%	94%
-	Thuế tài nguyên	235.000	235.000	228.761	228.761	97%	97%
2	Thu từ các DNNN Địa phương	2.050.000	1.012.790	2.056.864	1.019.306	100%	101%
-	Thuế giá trị gia tăng	751.000	352.970	625.523	293.996	83%	83%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	726.000	341.220	791.624	372.063	109%	109%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	480.000	225.600	540.510	254.040	113%	113%
-	Thuế tài nguyên	93.000	93.000	99.207	99.207	107%	107%
3	Thu từ DN có vốn ĐTNN	10.800.000	4.956.920	14.981.622	6.895.257	139%	139%
-	Thuế giá trị gia tăng	3.200.000	1.504.000	2.808.181	1.319.845	88%	88%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	450.000	89.770	405.815	40.333	90%	45%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.145.000	3.358.150	11.759.523	5.526.976	165%	165%
-	Thuế tài nguyên	5.000	5.000	8.103	8.103	162%	162%
4	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	4.950.000	2.382.150	8.561.775	4.093.094	173%	172%
-	Thuế giá trị gia tăng	3.263.000	1.533.610	2.923.754	1.374.164	90%	90%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	32.000	15.040	19.270	9.057	60%	60%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.550.000	728.500	5.488.450	2.579.572	354%	354%
-	Thuế tài nguyên	105.000	105.000	130.301	130.301	124%	124%
5	Thuế thu nhập cá nhân	5.400.000	2.538.000	6.320.883	2.970.815	117%	117%
6	Lệ phí trước bạ	1.300.000	1.300.000	1.198.720	1.198.720	92%	92%
7	Thuế bảo vệ môi trường	825.000	144.290	712.406	131.101	86%	91%
8	Thu phí, lệ phí	586.700	393.000	392.898	292.000	67%	74%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			376	376		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	62.000	62.000	50.587	50.587	100%	
11	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	1.000.000	1.000.000	1.080.562	1.080.562	108%	108%
12	Thu tiền sử dụng đất	2.032.231	2.032.231	4.651.734	4.651.734	229%	229%

STT	Nội dung các khoản thu	Dự toán điều chỉnh đợt 1		Ước thực hiện năm 2021		SO SÁNH %	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.000	1.000	500	500	50%	50%
14	Thu khác ngân sách	800.000	500.000	472.141	288.141	59%	58%
15	Thu KHCB, tiền bán nhà thuộc SHNN	0	0	0	0		
16	Thu từ thu nhập sau thuế	350.000	350.000	580.281	580.281	166%	166%
17	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	140.000	134.400	147.308	107.192	105%	80%
18	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.620.000	1.620.000	1.798.621	1.798.621	111%	111%
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	13.250.000	0	17.600.000	0	133%	

Phụ lục III
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021
(ĐỢT 2)
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	Dự toán điều chỉnh đợt 1	Dự toán sau điều chỉnh	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI	29.263.393	38.227.005	8.963.612	131%
A	Chi cân đối ngân sách địa phương:	24.026.854	28.141.310	4.114.456	117%
I	Chi đầu tư phát triển:	9.430.840	8.332.230	(1.098.610)	88%
-	Chi đầu tư XDCB tập trung	3.315.608	3.337.436	21.828	101%
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.307.486	3.177.044	(1.130.442)	74%
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.637.500	1.642.500	5.000	100%
-	Chi đầu tư phát triển khác	164.846	169.850	5.004	103%
-	Bội chi	5.400	5.400	-	100%
II	Chi thường xuyên. Trong đó	13.883.086	19.020.426	5.137.340	137%
1	Chi An ninh - Quốc phòng địa phương	766.791	809.612	42.821	106%
-	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	5.405.251	5.626.004	220.753	104%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số	1.224.324	5.948.640	4.724.316	486%
-	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	114.638	89.462	(25.176)	78%
5	Chi sự nghiệp văn hóa	154.230	142.880	(11.350)	93%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	185.353	176.257	(9.096)	95%
7	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	51.676	61.760	10.084	120%
8	Chi đảm bảo xã hội	880.028	908.618	28.590	103%
9	Chi sự nghiệp kinh tế	1.752.899	1.896.623	143.724	108%
10	Sự nghiệp quản lý môi trường	793.797	782.437	(11.360)	99%
11	Chi quản lý hành chính	2.296.692	2.320.726	24.034	101%
12	Chi khác ngân sách	257.407	257.407	-	100%
III	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	153.818	153.818	-	100%
IV	Dự phòng ngân sách	550.000	625.726	75.726	114%
V	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910	2.910	-	100%
VI	Chi trả nợ lãi vay đầu tư CSHT	6.200	6.200	-	100%

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	Dự toán điều chỉnh đợt 1	Dự toán sau điều chỉnh	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
B	Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	5.163.983	6.228.461	1.064.478	121%
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	5.163.983	6.228.461	1.064.478	121%
2	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách và một số chương trình mục tiêu	-	-	-	
C	Chi nộp ngân sách cấp trên	26.556	27.692	1.136	104%
D	Ghi chi viện trợ	-	1.409	1.409	
E	Bù hụt thu	46.000	46.000	-	
F	Vượt thu	-	3.782.133	3.782.133	

Phụ lục IV

**CÂN ĐO NGUỒN THU CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ HUYỆN
NĂM 2021 (ĐỢT 2)**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh đợt 1	Dự toán sau điều chỉnh	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH				
I	Nguồn thu ngân sách	22.593.959	31.557.571	8.963.612	140%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	13.560.265	20.151.934	6.591.669	149%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.647.924	6.135.124	487.200	109%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	0	0	0	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	5.647.924	6.135.124	487.200	109%
3	Thu kết dư	157.903	1.292.480	1.134.577	819%
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	3.222.467	3.895.498	673.031	121%
5	Nguồn tiết kiệm, cắt giảm nhiệm vụ chi	0	75.726	75.726	
6	Ghi thu viện trợ	0	1.409	1.409	
7	Thu từ bội chi	5.400	5.400	0	100%
II	Chi ngân sách	22.593.959	32.268.261	9.674.302	143%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh	16.605.421	21.182.416	4.576.995	128%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	5.988.538	11.085.845	5.097.307	185%
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	3.965.943	3.965.943	0	100%
-	Chi bổ sung có mục tiêu	2.022.595	7.119.902	5.097.307	352%
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			0	
III	Bội chi NSĐP	0	0	0	
B	NGÂN SÁCH HUYỆN			0	
I	Nguồn thu ngân sách	12.657.972	17.755.279	5.097.307	140%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	5.954.566	5.954.566	0	100%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.988.538	11.085.845	5.097.307	185%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.965.943	3.965.943	0	100%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	2.022.595	7.119.902	5.097.307	352%
3	Thu kết dư			0	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	714.868	714.868	0	100%
II	Chi ngân sách	12.657.972	17.044.589	4.386.617	135%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	12.657.972	17.044.589	4.386.617	135%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới			0	
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách			0	
-	Chi bổ sung có mục tiêu			0	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			0	

Phụ lục V

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ
CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021 (ĐỢT 2)**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	38.227.005	21.182.416	17.044.589
A	Chi cân đối ngân sách địa phương:	28.141.310	11.589.521	16.551.789
I	Chi đầu tư phát triển:	8.332.230	4.716.610	3.615.620
1	Chi đầu tư XDCB tập trung	3.337.436	1.835.386	1.502.050
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.177.044	1.901.789	1.275.255
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.642.500	804.185	838.315
4	Chi đầu tư phát triển khác	169.850	169.850	0
5	Bội chi	5.400	5.400	0
II	Chi thường xuyên. Trong đó	19.020.426	6.533.309	12.487.117
1	Chi An ninh - Quốc phòng địa phương	809.612	248.850	560.762
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	5.626.004	1.353.759	4.272.245
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số	5.948.640	2.603.300	3.345.340
4	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	89.462	89.462	0
5	Chi sự nghiệp văn hóa	142.880	93.763	49.117
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	176.257	150.328	25.929
7	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	61.760	10.084	51.676
8	Chi đảm bảo xã hội	908.618	229.961	678.657
9	Chi sự nghiệp kinh tế	1.896.623	711.740	1.184.883
10	Sự nghiệp quản lý môi trường	782.437	150.908	631.529
11	Chi quản lý hành chính	2.320.726	741.829	1.578.897
12	Chi khác ngân sách	257.407	149.325	108.082
III	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	153.818	0	153.818

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện
A	B	1=2+3	2	3
IV	Dự phòng ngân sách	625.726	330.492	295.234
V	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910	2.910	0
VI	Chi trả nợ lãi vay đầu tư CSHT	6.200	6.200	0
B	Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	6.228.461	6.228.461	0
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	6.228.461	6.228.460,87	0
2	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách và một số chương trình mục tiêu	0	0	0
C	Chi nộp ngân sách cấp trên	27.692	27.692	0
D	Ghi chi viện trợ	1.409	1.409	0
E	Bù hụt thu	46.000	0	46.000
F	Vượt thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết các khoản thu khác	3.782.133	3.335.333	446.800

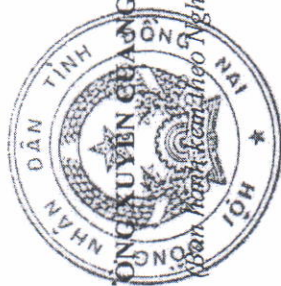
Phụ lục VI

DỰ TOÁN CHI ĐAU TƯ CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021 (ĐỢT 2)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

ĐVT: triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	2	3	4
	TỔNG CỘNG		1.077.282
1	Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai		4
		Kinh phí để thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất năm 2019-2020 theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg theo CV số 7708/UBND-KTNS ngày 6/7/2021 của UBND tỉnh	4
2	Dự án Cảng hàng không quốc tế sân bay Long Thành		1.077.278
		Kinh phí thực hiện dự án từ nguồn vốn được kéo dài theo Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ	1.077.278



ĐỰ TOÁN CHI THUỐNG XUYẾN QUẢN GÂN SÁCH CẤP TỈNH CHỖ TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021 (ĐỢT 2)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

ĐVT: triệu đồng

[illegible]

STT	TÊN ĐƠN VỊ	GIÁO DỤC- ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	SỰ NGHIỆP ĐÀM BẢO XÃ HỘI	SỰ NGHIỆP KINH TẾ	SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG	SỰ NGHIỆP Y TẾ	SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO	SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN NHÂN	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA	QUẢN LÝ HCNN- ĐẢNG- ĐOÀN THỂ	SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH	TỔNG CỘNG
34	Trường Chính trị	2.200											2.200
35	Trường Đại học Đồng Nai	25.127											25.127
36	UB MTTQ tỉnh									344			344
37	UBND tỉnh	30											30
38	Văn phòng HĐND tỉnh (nay là Văn phòng Đoàn DBQH và HĐND tỉnh)								1.041				1.041
39	Văn phòng UBND tỉnh								2.842				2.842
40	Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành			1.879									1.879
41	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú			1.083									1.083
42	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp			15.220									15.220
43	Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc			372									372
44	Cục quản lý thị trường tỉnh			982									982
45	Ban quản lý Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai				1.273								1.273
46	Ban Tôn giáo									2.103			2.103
47	Ban Thi đua khen thưởng									5.000			5.000
48	Chi Cục Văn thư Lưu trữ									1.090			1.090
49	Chi cục Trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi									11			11
50	Văn phòng Điều phối									920			920
51	Chi cục Kiểm lâm									1.705			1.705
52	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị									830			830
53	Dài Phát thanh - truyền hình Đồng Nai							10.084					10.084
54	Ban Quản lý Khu công nghệ cao công nghệ sinh học											30	30
55	Sở Lao động Thương binh Xã hội		7.500										
56	Văn phòng Sở Nội vụ									1.950			1.950
57	Chi cục Trồng trọt, BVTV & Thủy lợi			10.000									10.000
58	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn									2.000			2.000
59	Chi cục Thủy sản									474			474
60	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh									744			744
	TỔNG CỘNG	115.660	7.500	37.296	1.273	1.466.352	920	10.084	2.903	53.161	30	42.052	1.737.231



Phụ lục VIII

DỰ TOÁN PHÂN BỐ CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2021 (ĐỢT 2)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Bổ sung vốn cho khối huyện		
		Tổng	Bổ sung vốn đầu tư	Bổ sung vốn sự nghiệp
A	B	1	2	3
1	Thành phố Biên Hòa	1.344.961	-	1.344.961
2	Huyện Vĩnh Cửu	430.040	17.278	412.762
3	Huyện Trảng Bom	535.382	26.179	509.203
4	Huyện Thống Nhất	155.018	-	155.018
5	Huyện Định Quán	156.845	13.165	143.680
6	Huyện Tân Phú	104.370	8.278	96.092
7	Thành phố Long Khánh	280.766	-	280.766
8	Huyện Xuân Lộc	126.375	1.000	125.375
9	Huyện Cẩm Mỹ	133.407	31.793	101.614
10	Huyện Long Thành	74.972	6.072	68.900
11	Huyện Nhơn Trạch	597.681	-	597.681
TỔNG SỐ		3.939.817	103.765	3.836.052